TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/ HNGĐ-ST.
Ngày: 28/8//2017.
" V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Cao Thị Thu Hiền**

2/ Ông **Nguyễn Đinh Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 165/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXX - ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị P**, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/8/2017) .

Địa chỉ: ấp LK, xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn E**, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp LK, xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày:

1/Về hôn nhân:

Chị P và anh E do quen biết, tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1996 nhưng từ ngày cưới cho đến nay không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị P và anh E chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn chị P cho rằng do anh E không lo làm ăn mà thường xuyên tham gia uống rượu về kiếm chuyện đánh chị P, không cùng chị P chăm sóc cho con chung và rất nhiều mâu thuẩn khác. Chị P đã nhiều lần khuyên cang nhưng anh E tính nào vẫn tật đó không thay đổi. Gia đình cha, mẹ hai bên đã hòa giải, khuyên cang nhiều lần nhưng chị P cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh E nên không thể đoàn tụ. Từ đó mâu thuẩn giữa chị P và anh E ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị P và anh E đã sống ly thân hơn một năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn E.

2/ Về nuôi con chung:

Chị P trình bày: Giữa chị P và anh E chung sống có 01 con chung tên Lê Vũ M, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho anh Lê Văn E (bị đơn) biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị P. Nhưng anh E không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hoà giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Ngày 11/8/2017 chị Bùi Thị P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn E đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, ngày 11/8/2017 chị P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn E về chung sống với nhau như vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản

1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hiện nay giữa chị P và anh E không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do chị Bùi Thị P và anh Lê Văn E chưa đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh E theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: đã thành niên chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 228, 266; 267 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1/Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị P và anh Lê Văn E.

2/Về nuôi con chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không xét.

4/ Án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0005683 ngày 20/6/2017, chị P không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị P và anh E được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện MT;
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-THADS huyện MT
-UBND xã LM;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh